



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ  
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần gần đây nhất vào ngày 17 tháng 6 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Dr Nguyễn Đăng Quang  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Woncheol Park  
Ông Nguyễn Đoàn Hùng  
Ông David Tan Wei Ming  
Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Danny Le  
Ông Nguyễn Thiệu Nam  
Ông Michael Hung Nguyen

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Đại diện theo pháp luật**

Dr Nguyễn Đăng Quang  
Ông Danny Le

Chủ tịch  
Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu có; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, các báo cáo tài chính riêng này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Danny Le

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Ngày 20 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng Dịch vụ Soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

103  
Ô  
P  
T  
T-C  
NH  
NH  
3  
CHI



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00241-21-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4623-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2021



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>3.185.490.116.101</b>	<b>1.152.314.600.394</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>2.687.944.755.174</b>	<b>202.737.784.651</b>
Tiền	111		53.362.295.174	52.737.784.651
Các khoản tương đương tiền	112		2.634.582.460.000	150.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>8</b>	<b>484.248.799.274</b>	<b>939.075.118.365</b>
Trả trước cho người bán	132		2.033.443.981	1.114.928.526
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		471.176.000.000	685.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		11.039.355.293	252.960.189.839
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.296.561.653</b>	<b>10.501.697.378</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.438.915.543	2.644.051.268
Thuế phải thu Nhà nước	153	9(a)	7.857.646.110	7.857.646.110
<b>Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>50.735.061.584.393</b>	<b>54.073.288.226.947</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>8</b>	<b>4.828.186.052</b>	<b>4.828.186.052</b>
Phải thu dài hạn khác	216		4.828.186.052	4.828.186.052
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>14.499.734.285</b>	<b>13.169.721.743</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	14.499.734.285	13.169.721.743
Nguyên giá	222		48.671.557.642	44.641.557.642
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.171.823.357)	(31.471.835.899)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.563.506.025.975</b>	<b>53.883.603.547.735</b>
Đầu tư vào các công ty con	251	7(a)	26.812.570.202.463	25.812.570.202.463
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(b)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	19.372.098.745.876	23.692.196.267.636
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>152.227.638.081</b>	<b>171.686.771.417</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	152.227.638.081	171.686.771.417
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>53.920.551.700.494</b>	<b>55.225.602.827.341</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

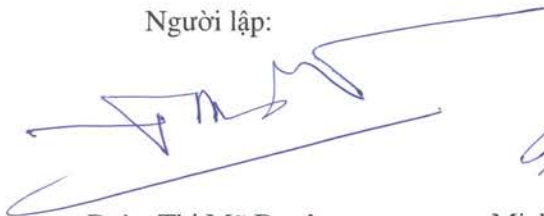
**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>32.172.077.347.938</b>	<b>32.017.068.319.812</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.613.964.211.346</b>	<b>6.457.489.575.236</b>
Phải trả người bán	311		1.396.500	12.101.257.769
Thuế phải nộp Nhà nước	313	9(b)	1.595.662.551	1.491.102.504
Phải trả người lao động	314		27.923.958	27.923.958
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12(a)	742.175.671.223	758.900.922.043
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	2.285.117.557.114	2.301.488.916.907
Vay ngắn hạn	320	14(a)	1.585.046.000.000	3.383.479.452.055
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.558.113.136.592</b>	<b>25.559.578.744.576</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	12(b)	240.258.118.700	116.647.503.186
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	14(b)	27.317.855.017.892	25.442.931.241.390
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>21.748.474.352.556</b>	<b>23.208.534.507.529</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>21.748.474.352.556</b>	<b>23.208.534.507.529</b>
Vốn cổ phần	411	16	11.805.346.920.000	11.746.832.460.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	11.084.246.541.079	11.084.296.541.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		554.219.074.045	2.072.743.689.018
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.072.743.689.018	3.395.529.005.610
- Lỗ sau thuế kỳ này/năm trước	421b		(1.518.524.614.973)	(1.322.785.316.592)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>53.920.551.700.494</b>	<b>55.225.602.827.341</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính



Danny Le  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

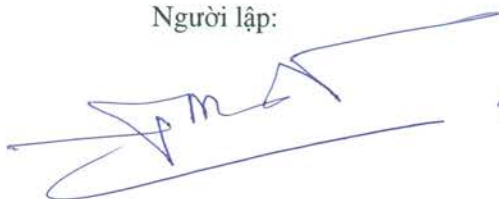
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	59.195.826.331	449.410.324.681
Chi phí tài chính	22	20	1.387.450.271.890	393.957.155.116
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.246.758.968.347</i>	<i>366.421.588.905</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	125.270.169.414	108.441.731.077
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30 = 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>(1.453.524.614.973)</b>	<b>(52.988.561.512)</b>
Chi phí khác	32	22	65.000.000.000	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b> <b>(40 = - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(65.000.000.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.518.524.614.973)</b>	<b>(52.988.561.512)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
<b>Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(1.518.524.614.973)</b>	<b>(52.988.561.512)</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Michael Hung Nguyen  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính

Danny Le  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021  
(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(1.518.524.614.973)</b>	<b>(52.988.561.512)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		2.699.987.458	1.762.662.780
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.999.969.923)	-
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(44.195.826.331)	(449.410.324.681)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06		1.387.450.241.813	393.826.588.866
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(187.570.181.956)</b>	<b>(106.809.634.547)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(871.610.213)	250.925.698.022
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(8.423.206.310)	(34.973.043.549)
Biến động chi phí trả trước	12		(6.937.546.135)	(713.990.717)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	1.571.530.000.000
			<b>(203.802.544.614)</b>	<b>1.679.959.029.209</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.198.019.754.254)	(377.855.336.888)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.401.822.298.868)</b>	<b>1.302.103.692.321</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(4.030.000.000)	(1.713.548.000)
Tiền chi cho vay	23		(1.941.676.000.000)	(9.781.002.250.000)
Tiền thu từ cho vay	24		2.155.500.000.000	9.705.658.250.000
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25		(1.015.101.000.000)	(31.219.171.121.792)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		4.320.097.521.760	11.579.935.876.240
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay	27		286.069.755.635	2.263.047.735.755
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.800.860.277.395</b>	<b>(17.453.245.057.797)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

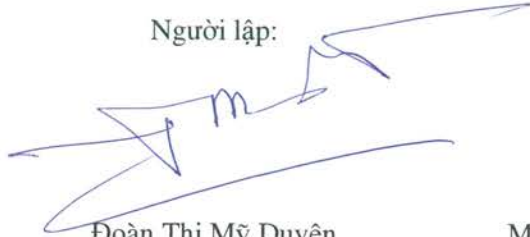
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		58.514.460.000	-
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33		3.013.866.883.528	18.115.986.541.130
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.985.133.452.055)	(2.092.273.972.603)
Tiền chi trả cổ tức	36		(1.078.869.400)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>86.169.022.073</b>	<b>16.023.712.568.527</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>2.485.207.000.600</b>	<b>(127.428.796.949)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>202.737.784.651</b>	<b>476.294.341.206</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>(30.077)</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>2.687.944.755.174</b>	<b>348.865.544.257</b>

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:



**Đoàn Thị Mỹ Duyên**  
*Kế toán trưởng*

Người duyệt:



**Michael Hung Nguyen**  
*Phó Tổng Giám đốc*  
*Giám đốc Tài chính*



**Danny Le**  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

### **(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có 48 nhân viên (1/1/2021: 48 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**3. Những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(ii) Đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |           |
|--------------------------|-----------|
| ▪ nâng cấp tài sản thuê  | 5 năm     |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 5 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm     |

**(f) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm vi tính***

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(g) Chi phí trả trước dài hạn**

***Chi phí đi vay trả trước***

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

**(h) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

**(i) Trái phiếu phát hành**

***Trái phiếu thường***

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

**(j) Vốn chủ sở hữu**

***Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Vốn khác của chủ sở hữu**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế khác.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, lãi trái phiếu phát hành và lãi cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(m) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và chi phí đi vay được phân bổ.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(o) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần được phát hành theo mệnh giá.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(q) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng hoặc lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**4. Thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**5. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty**

Không có thay đổi nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	64.826.703	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	53.297.468.471	52.672.957.948
Các khoản tương đương tiền	2.634.582.460.000	150.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	2.687.944.755.174	202.737.784.651

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 44.705 triệu VND (1/1/2021: 44.661 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 14(b)).

**7. Đầu tư**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		
Đầu tư vào các công ty con (a)	26.812.570.202.463	25.812.570.202.463
Đầu tư vào một công ty liên kết (b)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (c)	19.372.098.745.876	23.692.196.267.636
	<hr/>	<hr/>
	50.563.506.025.975	53.883.603.547.735

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Đầu tư vào các công ty con**

Chi tiết đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2021			1/1/2021			
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND	Giá gốc VND	% quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan ("MH")	99,9%	99,9%	-	18.737.200.000.000	99,9%	18.737.200.000.000	- (*)
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML")	78,7%	78,7%	-	2.030.991.202.463	78,7%	2.030.991.202.463	- (*)
▪ Công ty TNHH The SHERPA ("SHERPA")	99,9%	99,9%	-	6.044.379.000.000	99,9%	5.044.379.000.000	- (*)
				26.812.570.202.463		25.812.570.202.463	

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty con trong kỳ như sau:

	MH VND	MML VND	SHERPA VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	18.737.200.000.000	2.030.991.202.463	5.044.379.000.000	25.812.570.202.463
Tăng trong kỳ	-	-	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Số dư cuối kỳ	18.737.200.000.000	2.030.991.202.463	6.044.379.000.000	26.812.570.202.463

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư vào một công ty liên kết**

Chi tiết đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	% sở hữu trên vốn điều lệ	% quyền biểu quyết trên vốn điều lệ	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	15,0%	15,0%	4.378.837.077.636	-
			27.631.426.797.300	4.378.837.077.636
				16.515.938.218.500

Cho mục đích thuyết minh, tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 và ngày 30 tháng 6 năm 2021, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Chi tiết đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Công ty Cổ phần The CrownX ("CrownX") (**)	12,03%	12,03%	19.372.098.745.876	-
			(*) 14,8%	23.692.196.267.636
				(*)

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) CrownX là công ty con của Công ty TNHH The SHERPA.

Biến động khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	23.692.196.267.636	-
Tăng trong kỳ	-	20.002.572.121.792
Thanh lý trong kỳ (***)	(4.320.097.521.760)	-
Số dư cuối kỳ	19.372.098.745.876	20.002.572.121.792

(\*\*\*) Vào ngày 12 tháng 4 năm 2021, Công ty đã chuyển nhượng 2,7% lợi ích vốn chủ sở hữu trong CrownX cho SHERPA, công ty con sở hữu trực tiếp.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn**

**(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ các bên liên quan:		
▪ Công ty TNHH The SHERPA (i)	289.500.000.000	685.000.000.000
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (ii)	181.676.000.000	-
	471.176.000.000	685.000.000.000

- (i) Khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5% (2020: 6,5%). Khoản vay sẽ đáo hạn sau 3 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.
- (ii) Khoản vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 7,0%. Khoản vay sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi được thu vào ngày đáo hạn nợ gốc vay.

**(b) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi phải thu từ các bên liên quan	4.904.408.111	250.116.125.839
Lãi phải thu từ tiền gửi ngân hàng	3.337.788.424	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	29.500.000	29.500.000
Phải thu khác	2.767.658.758	2.814.564.000
	11.039.355.293	252.960.189.839

**(c) Phải thu dài hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.828.186.052	4.828.186.052



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Thuế**

**(a) Thuế phải thu Nhà nước**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế nhà thầu nước ngoài	7.459.630.367	7.459.630.367
	7.857.646.110	7.857.646.110

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân	1.595.662.551	1.491.102.504

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nâng cấp</b>	<b>Thiết bị</b>	<b>Phương tiện</b>	<b>Tổng</b>
	<b>tài sản thuê</b>	<b>văn phòng</b>	<b>vận chuyển</b>	<b>VND</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	33.536.834.202	9.482.695.440	1.622.028.000	44.641.557.642
Tăng trong kỳ	-	-	4.030.000.000	4.030.000.000
Số dư cuối kỳ	33.536.834.202	9.482.695.440	5.652.028.000	48.671.557.642
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	23.930.764.093	7.293.261.973	247.809.833	31.471.835.899
Khấu hao trong kỳ	1.839.728.422	389.256.702	471.002.334	2.699.987.458
Số dư cuối kỳ	25.770.492.515	7.682.518.675	718.812.167	34.171.823.357
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	9.606.070.109	2.189.433.467	1.374.218.167	13.169.721.743
Số dư cuối kỳ	7.766.341.687	1.800.176.765	4.933.215.833	14.499.734.285

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 27.351 triệu VND đã khấu hao hết (1/1/2021: 21.091 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí đi vay trả trước VND</b>	<b>Chi phí khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	171.227.689.762	459.081.655	171.686.771.417
Tăng trong kỳ	7.647.194.555	5.044.654.900	12.691.849.455
Phân bổ trong kỳ	(31.249.009.751)	(901.973.040)	(32.150.982.791)
Số dư cuối kỳ	147.625.874.566	4.601.763.515	152.227.638.081

**12. Chi phí phải trả**

**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả:		
▪ Các ngân hàng và trái chủ	446.181.175.122	408.471.252.184
▪ Các bên thứ ba	250.117.359.754	124.903.287.669
▪ Các bên liên quan	-	183.462.831.148
Phí tư vấn chuyên môn	2.574.940.000	2.524.940.000
Chi phí khác	43.302.196.347	39.538.611.042
	742.175.671.223	758.900.922.043

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan	240.258.118.700	116.647.503.186

Chi phí lãi vay phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo và phải hoàn trả vào ngày đáo hạn của các khoản vay liên quan (Thuyết minh 14(b)).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho việc mua khoản đầu tư vốn trong CrownX	2.284.899.000.000	2.300.000.000.000
Cổ tức phải trả	11.130.000	1.089.999.400
Phải trả ngắn hạn khác	207.427.114	398.917.507
	2.285.117.557.114	2.301.488.916.907

**14. Vay và trái phiếu phát hành**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn (a)	1.585.046.000.000	3.383.479.452.055
<b>Vay và trái phiếu phát hành dài hạn</b>		
Vay dài hạn (b)	8.184.400.000.000	7.772.233.116.472
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	19.133.455.017.892	17.670.698.124.918
	27.317.855.017.892	25.442.931.241.390

**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2021	Biến động trong kỳ		30/6/2021
	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.383.479.452.055	700.000.000.000	(2.498.433.452.055)	1.585.046.000.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
▪ Bên thứ ba	1.585.046.000.000	1.590.000.000.000
▪ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, công ty con sở hữu gián tiếp		- 1.143.479.452.055
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Phát triển Thương mại VCM, công ty con sở hữu gián tiếp		- 500.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Masan MEATLife, công ty con sở hữu trực tiếp		- 150.000.000.000
	1.585.046.000.000	3.383.479.452.055

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND hiện còn số dư không được đảm bảo và chịu lãi suất được quy định trong hợp đồng vay.

**(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Loại tiền tệ</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
▪ Khoản vay không đảm bảo từ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan, công ty con sở hữu trực tiếp (i)	VND	2023 - 2024	3.561.400.000.000	3.134.233.116.472
▪ Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (ii)	USD	2022 - 2023	4.623.000.000.000	4.638.000.000.000
Khoản phải trả trong vòng 12 tháng			8.184.400.000.000	7.772.233.116.472

- (i) Các khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất được quy định trong hợp đồng vay.
- (ii) Khoản vay hợp vốn này được đảm bảo và chịu lãi suất năm là 3,61% trong kỳ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:
- tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty với giá trị ghi sổ là 44.705 triệu VND (1/1/2021: 44.661 triệu VND);
  - 15% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH MasanConsumerHoldings được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần The CrownX, một công ty con sở hữu gián tiếp và toàn bộ lợi ích liên quan; và
  - được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần The CrownX.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các hợp đồng vay trên.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Trái phiếu phát hành dài hạn**

Giá trị ghi sổ của trái phiếu đã phát hành bao gồm:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu thường, đáo hạn sau 12 tháng	19.500.000.000.000	18.100.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa được phân bổ	(366.544.982.108)	(429.301.875.082)
	19.133.455.017.892	17.670.698.124.918

Trái phiếu của Công ty bao gồm các khoản sau:

- 1.500 tỷ VND (1/1/2021: 1.500 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm (2022) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 7.000 tỷ VND (1/1/2021: 7.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 9,3% trong năm đầu tiên và biên độ 2,5% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 3.000 tỷ VND (1/1/2021: 3.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,2% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 4.000 tỷ VND (1/1/2021: 4.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 600 tỷ VND (1/1/2021: 600 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 9,8% trong năm đầu tiên và biên độ 3,8% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 1.000 tỷ VND (1/1/2021: 1.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 9,9% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 1.000 tỷ VND (1/1/2021: 1.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 3 năm (2023) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.

C.P. ★ HN

112

HI  
NG  
K  
PH

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- 500 tỷ VND trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm (2024) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 500 tỷ VND trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm (2024) với lãi suất năm là 9,9% trong năm đầu tiên và biên độ 3,9% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.
- 400 tỷ VND trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn là 3 năm (2024) với lãi suất năm là 10,0% trong năm đầu tiên và biên độ 4,0% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại. Những trái phiếu này không được đảm bảo.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, các công ty con và công ty liên kết của Công ty lần lượt nắm giữ 2.017.752 triệu VND và 315.123 triệu VND (1/1/2021: lần lượt là không và 419.872 triệu VND) trái phiếu đã phát hành.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	4.570.212.251.610	25.648.695.080.121
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(52.988.561.512)	(52.988.561.512)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	11.689.464.470.000	11.084.356.541.079	(1.695.338.182.568)	4.517.223.690.098	25.595.706.518.609
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	11.746.832.460.000	11.084.296.541.079	(1.695.338.182.568)	2.072.743.689.018	23.208.534.507.529
Phát hành cổ phiếu	58.514.460.000	(50.000.000)	-	-	58.464.460.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(1.518.524.614.973)	(1.518.524.614.973)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	554.219.074.045	21.748.474.352.556

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.174.683.246	11.746.832.460.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	11.084.246.541.079	-	11.084.296.541.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh cho các khoản cổ tức và phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021		Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	1.174.683.246	11.746.832.460.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000
Phát hành cổ phiếu bằng tiền (Thuyết minh 17)	5.851.446	58.514.460.000	-	-
Số dư cuối kỳ	1.180.534.692	11.805.346.920.000	1.168.946.447	11.689.464.470.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên (ESOP) dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2021, Công ty đã phát hành 5.851.446 cổ phiếu cho nhân viên được thanh toán bằng tiền mặt.

**18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	12.876.035.607	11.001.674.200
Từ hai đến năm năm	5.223.154.675	-
	18.099.190.282	11.001.674.200

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	251	5.790.621	266	6.144.740

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/1/2021</b>	<b>Từ 1/1/2020</b>
	<b>đến 30/6/2021</b>	<b>đến 30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và trái phiếu	37.315.370.275	436.477.338.494
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	6.880.456.056	12.078.191.667
Thu nhập lãi từ các khoản cho một bên thứ ba vay	-	854.794.520
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.000.000.000	-
	59.195.826.331	449.410.324.681

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Chi phí lãi vay và lãi trái phiếu từ:		
▪ Các ngân hàng	82.569.295.483	-
▪ Các trái chủ	906.821.712.453	261.167.117.709
▪ Các công ty con	130.907.307.507	85.715.293.113
▪ Các bên thứ ba	126.460.652.904	19.539.178.083
Chi phí phát hành trái phiếu	102.184.543.006	27.404.999.961
Chi phí đi vay	38.506.730.460	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	30.077	-
Chi phí tài chính khác	-	130.566.250
	<b>1.387.450.271.890</b>	<b>393.957.155.116</b>

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.699.987.458	1.762.662.780
Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí khác	122.570.181.956	106.679.068.297
	<b>125.270.169.414</b>	<b>108.441.731.077</b>

**22. Chi phí khác**

Chi phí khác bao gồm tiền chi ủng hộ Quỹ vắc xin và xây cầu cho vùng nông thôn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021		Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020	
	%	VND	%	VND
Lỗ kế toán trước thuế	100%	(1.518.524.614.973)	100%	(52.988.561.512)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(20,00%)	(303.704.922.995)	(20,00%)	(10.597.712.302)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,09%	1.362.299.785	0,00%	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	19,91%	302.342.623.210	20,00%	10.597.712.302
	-	-	-	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này. Theo các quy định thuế hiện hành, các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, trừ chi phí lãi vay, không bị hết hiệu lực. Chi phí lãi vay vượt mức trần theo quy định hiện hành và lỗ tính thuế được mang sang không quá 5 năm.

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(c) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau và cơ quan thuế có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyên giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng của sự khác biệt có thể đáng kể.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
<b>Các công ty con sở hữu trực tiếp</b>			
Công ty TNHH Tâm nhìn Masan	Góp vốn	-	5.000.000.000.000
	Khoản vay đã nhận	913.866.883.528	2.852.233.116.472
	Khoản vay đã trả	486.700.000.000	268.000.000.000
	Chi phí lãi vay	123.610.615.514	29.095.371.478
	Khoản cho vay đã cấp	-	300.002.250.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	450.658.250.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	5.430.690.297
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	1.000.000.000.000	516.599.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	1.395.500.000.000	3.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	2.319.404.110	-
	Thanh lý các khoản đầu tư	4.320.097.521.760	12.841.200.000.000
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Khoản vay đã trả	150.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	373.972.603	-
<b>Các công ty con sở hữu gián tiếp</b>			
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Khoản cho vay đã cấp	-	3.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	3.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	534.246.575
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Chi phí công nghệ thông tin	2.004.729.142	1.934.516.166
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biển Khoáng Sản Núi Pháo	Khoản vay đã nhận	-	823.753.424.658
	Khoản vay đã trả	1.143.479.452.055	1.224.273.972.603
	Chi phí lãi vay	4.270.116.650	29.154.442.183
	Khoản cho vay đã cấp	241.676.000.000	400.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	60.000.000.000	400.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	3.439.134.138	2.246.575.342

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Công ty TNHH Vonfram Masan	Khoản cho vay đã cấp	-	1.781.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	1.555.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	2.387.884.932
Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam	Khoản cho vay đã cấp	-	1.000.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	1.000.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.478.794.521
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Vincommerce	Khoản vay đã nhận	-	3.700.000.000.000
	Khoản vay đã trả	500.000.000.000	600.000.000.000
	Chi phí lãi vay	2.652.602.740	27.465.479.452
	Khoản cho vay đã cấp	700.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	700.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	1.121.917.808	-
Công ty Cổ phần The CrownX	Thanh lý các khoản đầu tư	-	516.600.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>			
Techcombank và các công ty con (*)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành) (**)	1.400.000.000.000	10.000.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	38.210.000.000	371.900.000.000
	Bán chứng khoán kinh doanh	1.507.775.000.000	1.250.000.000.000
	Mua chứng khoán kinh doanh	1.507.775.000.000	-
	<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt (***)	16.137.261.373

(\*) Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 2020, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(\*\*) Các trái phiếu này đã được bán cho các nhà đầu tư theo thỏa thuận phát hành.

(\*\*\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng khoản thù lao trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 và 2020.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**25. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Cần trừ các khoản phải thu từ việc thanh lý khoản đầu tư vốn chủ sở hữu với khoản phải trả cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại và Dịch vụ VCM		- 12.841.200.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	50.000.000	-

**26. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán**

Vào ngày 16 tháng 7 năm 2021, Công ty đã tạm ứng cổ tức cho năm 2021 bằng tiền với số tiền là 1.121.503 triệu VND cho các cổ đông.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021

Người lập:

**Đoàn Thị Mỹ Duyên**  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

**Michael Hung Nguyen**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giám đốc Tài chính



**Danny Le**  
Tổng Giám đốc



